

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 142/2024/DS-PT

Ngày 20/5/2024

Về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long, ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên
tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét
xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 341/TBTL-TA ngày 18/12/2023 về “*Tranh
chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô
hiệu*” do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án
nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 826/2024/QĐ-PT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà
Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: cụ Huỳnh Viết C, sinh năm 1933, chết ngày 17 tháng 5 năm
2022. Nơi cư trú khi còn sống: nhà số A, đường N, phường C, thành phố H, tỉnh
Quảng Nam.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1. Ông Huỳnh Viết T, sinh năm 1958; địa chỉ: A N, phường A, quận T, thành
phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Ông Huỳnh Viết V, sinh năm 1966; địa chỉ: K P, quận H, thành phố Đà
Nẵng, có mặt;

3. Ông Huỳnh Viết L, sinh năm 1960; địa chỉ: nhà số F, đường T, phường H,
quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1962; địa chỉ: khối G, phường Đ, thị xã
Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

5. Ông Huỳnh Viết Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: khối phố N, phường Đ, thị xã
Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

6. Ông Huỳnh Viêt T1, sinh năm 1973; địa chỉ: 9 đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Bị đơn: cụ Huỳnh Viêt L1, sinh năm 1939 và cụ Dương Thị A, sinh năm 1946, đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Viêt B, sinh năm 1974, có mặt.

Ông B cùng địa chỉ với cụ L1, cụ A: nhà số B, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: số I, đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng.

2. Văn phòng Công chứng thành phố H; địa chỉ: E, đường H, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Viêt B, sinh năm 1974; địa chỉ: nhà số B, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ dân phố B, khu phố D, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Viêt B1, sinh năm 1957; địa chỉ: nhà số U, khu phố F, V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Ông Huỳnh Viêt T2, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố G, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Đỗ Văn C1, sinh năm 1969, vắng;

8. Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1968, vắng;

Cùng địa chỉ: K, đường C, số C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

9. Ông Lê Văn M, sinh năm 1959, có mặt;

Địa chỉ thường trú: thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: 77, K, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam;

10. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1962, vắng mặt;

11. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1969, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

12. Cụ Huỳnh Thị B2, sinh năm 1946; địa chỉ: nhà số B N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

13. Ông Huỳnh Viêt T, sinh năm 1958; địa chỉ: nhà số A N, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

14. Ông Huỳnh Viêt V, sinh năm 1966; địa chỉ: K P, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

15. Ông Huỳnh Viêt L, sinh năm 1960; địa chỉ: số F, đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

16. Bà Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1962; địa chỉ: khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

17. Ông Huỳnh Viêt Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

18. Ông Huỳnh Viêt T1, sinh năm 1973; địa chỉ: số I đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

19. Bà Nguyễn Thị Thanh L3, sinh năm 1974, vắng;
Địa chỉ: nhà số B, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 08/02/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn cụ Huỳnh Viêt C (chết ngày 17/5/2022) khi còn sống trình bày:*

Vợ chồng cố Huỳnh Viêt K (còn gọi là Huỳnh K, Huỳnh Đ1, sinh năm 1895, chết năm 1979) và cố Phan Thị K1 (còn gọi là Phan Thị L4, sinh năm 1904, chết năm 1980) không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 6 con chung gồm:

- Huỳnh Viêt K2, sinh năm 1928, chết năm 2010, vợ đã chết, có các con Huỳnh Thị H, Huỳnh Viêt B1, Huỳnh Viêt T2;

- Huỳnh Thị M1, sinh năm 1929, chết năm 2015, có các con Lê Văn M, Lê Thị L2, Lê Thị H1;

- Huỳnh Thị T3 (còn gọi Huỳnh Thị H2), sinh năm 1929, chết năm 2013, chồng đã chết, có các con Đỗ Văn C1, Đỗ Thị S;

- Huỳnh Viêt C, sinh năm 1933, chết ngày 17/5/2022, vợ đã chết, có các con Huỳnh Viêt L, Huỳnh Viêt T, Huỳnh Viêt Đ, Huỳnh Viêt V, Huỳnh Viêt T1, Huỳnh Thị Kim Á.

- Huỳnh Viêt L1, sinh năm 1939, có vợ là Dương Thị A, con trai là Huỳnh Viêt B.

- Huỳnh Thị B2, sinh năm 1946;

Vợ chồng cố Huỳnh Viêt K, cố Phan Thị K1 chết không để lại di chúc. Di sản cố K, cố Khả để lại là căn nhà xây năm 1964 trên thửa đất mà vợ chồng cụ Huỳnh Viêt L1, cụ Dương Thị A được UBND tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 27/10/2003 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, tại phường T (trước đây là xã C) thị xã H diện tích 629,2m² gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn (tại Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 24/9/2008 UBND thành phố H chỉnh lý giảm diện tích của thửa 26, tờ bản đồ số 14 thành 595,5m² gồm 166,3m² đất ở và 429,2m² đất trồng cây lâu năm). Sau đó, vợ chồng cụ L1 xin tách thửa đất 26 thành 2 thửa, vợ chồng cụ L1 sử dụng thửa đất 26 còn lại diện tích 202,8m² gồm 96m² đất ở và 106,8m² đất cây lâu năm, trên thửa đất số 26 vẫn còn căn nhà do cha mẹ để lại; còn cho con trai Huỳnh Viêt B một thửa đất và ngày 28/6/2010 ông B được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 14, diện tích 392,7m² gồm 70,3m² đất ở và 322,4m² đất trồng cây lâu năm (sau đó, ông B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 182147 ngày 30/10/2018 đối với thửa đất số 288, tờ bản đồ 14, diện tích 415,1m² loại đất ở đô thị). Do các thành viên trong gia đình không thể hòa giải được việc chia thừa kế di sản của cha mẹ nên cụ Huỳnh Viêt C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất thuộc thửa đất 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 629,2m², tại phường T (trước đây là xã C) thị xã H nêu trên cho các đồng

thừa kế; yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ L1, cụ A với ông B vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho vợ chồng cụ L1, cụ A và ông B.

** Bị đơn vợ chồng cụ Huỳnh Việt L1 và cụ Dương Thị A trình bày:* Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Bị đơn cho rằng cha mẹ có tạo lập được nhà đất tại xã C, nhưng đã để lại cho cụ Huỳnh Việt C và hiện nay ông Huỳnh Việt T1 (con cụ C) quản lý, sử dụng. Năm 1964, cụ Huỳnh Việt L1 (con út) cùng vợ đưa cha mẹ già là cố Khương, cố Khả sang xã C khai hoang, lập nghiệp, tạo dựng được nhà đất như hiện nay, kê khai, đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003; như vậy, nhà đất tranh chấp không phải tài sản do cố K, cố Khả tạo lập chết để lại nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H cho rằng* việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng cụ L1 đối với thửa đất 26, tờ bản đồ 15 diện tích còn lại 202,8m² đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Việt B đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 14, diện tích 392,7m² là đúng pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Huỳnh Thị B2 cho rằng* nhà, đất tranh chấp có nguồn gốc do vợ chồng cố K, cố Khả khai hoang, xây dựng nhà từ năm 1964, cụ B2 có góp 600 đồng để cha mẹ mua đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con vợ chồng cụ Huỳnh Việt K2) thống nhất* với trình bày và yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Việt C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con cụ Huỳnh Thị T3, còn gọi Huỳnh Thị H2) thống nhất* với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Việt C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con cụ Huỳnh Thị M1) thống nhất* với trình bày và yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Việt C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vợ chồng ông Huỳnh Việt B, Nguyễn Thị Thanh L3 là con cụ Huỳnh Việt L1) thống nhất* với trình bày và đề nghị của cụ Huỳnh Việt L1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 24/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ các điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 36, các điều 3, 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 58/1998/NQ – UBTVQH ngày 20 tháng 8 năm 1998; các điều 637, 739 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 16, Điều 17, khoản 3 Điều 18 Luật Đất đai năm 1987, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ - CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án TANDTC Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Việt C về việc chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Việt K và bà Phan Thị K1 để lại là căn nhà xây năm 1964 trên diện tích đất thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 288 (265), tờ bản đồ số 14, diện tích 415,1m², do ông Huỳnh Việt B đứng tên trên Giấy chứng nhận năm 2018) và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 202,8m² (căn nhà gắn liền với thửa đất này), do ông Huỳnh Việt L1 và bà Dương Thị A đứng tên trong Giấy chứng nhận), tại Tổ B, khối phố X, phường T (Số B N), thành phố H, tỉnh Quảng Nam và việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 288 (265), tờ bản đồ số 14 giữa ông Huỳnh Việt L1, bà Dương Thị A với ông Huỳnh Việt B lập ngày 20 tháng 5 năm 2010 vô hiệu.

2. Không hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho ông Huỳnh Việt L1, bà Dương Thị A năm 2010 đối với thửa đất số 265 (26), tờ bản đồ số 14, tại Tổ B, khối phố X, phường T (số B N), TP H, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn kháng cáo của ông Huỳnh Việt L; ngày 05/9/2023 nhận được đơn kháng cáo của cụ Huỳnh Thị B2; ngày 07/9/2023 nhận được đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim Á1; ngày 11/9/2023 nhận được đơn kháng cáo của bà các ông bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Việt B1, Huỳnh Việt T2, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xác định di sản thừa kế của vợ chồng cô K, cô Khả để lại là ½ diện tích đất trong khối tài sản chung với cụ L1, cụ A là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 629,2m² gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn tại phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (sau tách thành 2 thửa, ông Huỳnh Việt B đứng tên một thửa, vợ chồng cụ Huỳnh Việt L1, cụ Dương Thị A đứng tên một thửa).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông Huỳnh Việt L, cụ Huỳnh Thị B2, bà Huỳnh Thị Kim Á1, bà Huỳnh Thị H giữ nguyên kháng cáo,

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định di sản thừa kế của vợ chồng cô K, cô Khả tạo lập, chết để lại

là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trong khối tài sản chung với cụ L1, cụ A là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 629,2m² gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn tại *phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam* (sau tách thành 2 thửa); đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế di sản của vợ chồng cố Khả, cố Khương theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm bảo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của đương sự.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận vợ chồng cố Huỳnh Viết K (còn gọi Huỳnh K, Huỳnh Đ1, sinh năm 1895) và cố Phan Thị K1 (còn gọi Phan Thị L4, sinh năm 1904) không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 6 con chung gồm:

(i) Cụ Huỳnh Viết K2, sinh năm 1928, chết năm 2010, vợ đã chết, có các con Huỳnh Thị H, Huỳnh Viết B1, Huỳnh Viết T2;

(ii) Cụ Huỳnh Thị M1, sinh năm 1929, chết năm 2015, có các con Lê Văn M, Lê Thị L2, Lê Thị H1;

(iii) Cụ Huỳnh Thị T3 (còn gọi Huỳnh Thị H2), sinh năm 1929, chết năm 2013, chồng đã chết có các con Đỗ Văn C1, Đỗ Thị S;

(iv) Cụ Huỳnh Viết C, sinh năm 1933, chết ngày 17/5/2022, vợ đã chết có các con Huỳnh Viết L, Huỳnh Viết T, Huỳnh Viết Đ, Huỳnh Viết V, Huỳnh Viết T1, Huỳnh Thị Kim Á;

(v) Cụ Huỳnh Viết L1, sinh năm 1939, có vợ Dương Thị A, con trai Huỳnh Viết B;

(vi) Cụ Huỳnh Thị B2, sinh năm 1946.

Cố Huỳnh Viết K (chết năm 1979), cố Phan Thị K1 (chết năm 1980), cụ Huỳnh Viết K2 (chết năm 2010) không để lại di chúc.

[2] Cụ Huỳnh Viết C (nguyên đơn) khởi kiện cho rằng cố Khương, cố Khả khi còn sống tạo lập và chết để lại nhà trên thửa đất mà vợ chồng cụ Huỳnh Viết L1, cụ Dương Thị A được UBND tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 27/10/2003 là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, phường T (trước đây là địa phận xã C) thị xã H diện tích 629,2m² gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn (tại Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 24/9/2008 UBND thành phố H chỉnh lý giảm diện tích thửa 26, tờ bản đồ số 14 còn 595,5m² gồm 166,3m² đất ở và 429,2m² đất trồng cây lâu năm - bút lục 228). Năm 2010, vợ chồng cụ L1 xin tách thửa đất 26 thành 2 thửa, vợ chồng cụ L1 sử dụng thửa đất 26 diện tích 202,8m² đất gồm 96m² đất ở và 106,8m² đất cây lâu năm (bút lục 228); cho con trai Huỳnh Viết B một thửa và ngày 28/6/2010 ông B được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 14, diện tích 392,7m² gồm

70,3m² đất ở và 322,4m² đất trồng cây lâu năm (sau đó, ông B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CO 182147 ngày 30/10/2018 đối với thửa đất số 288, tờ bản đồ 14, diện tích 415,1m² loại đất ở đô thị - bút lục 261, 202).

[3] Xét, ngày 08/02/2021 cụ Huỳnh Viêt C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng cố K chết năm 1979, cố K2 chết năm 1980 để lại. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018, công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và các Điều 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế số 44 ngày 30/8/1990; khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xác định thời điểm nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cố Khương, cố K2 là còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Năm người thuộc hàng thừa kế thứ nhất di sản của vợ chồng cố K, cố Khả gồm: (i) cụ Huỳnh Viêt C; (ii) cụ Huỳnh Thị B2; (iii) các con của cụ Huỳnh Viêt K2; (iv) các con cụ Huỳnh Thị M1; (v) các con cụ Huỳnh Thị T3, đều thống nhất với trình bày của cụ Huỳnh Viêt C (Nguyên đơn) rằng nhà và đất tại địa chỉ B N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam hiện do vợ chồng cụ Huỳnh Viêt L1 và vợ chồng con trai cụ L1 (ông Huỳnh Viêt B) quản lý, sử dụng là di sản do cố K, cố Khả tạo lập, chết để lại nên yêu cầu chia thừa kế di sản của cố K, cố Khả theo pháp luật. Trong khi đó, vợ chồng cụ Huỳnh Viêt L1 cho rằng nhà đất tại 28 Nguyễn Công T4, thành phố H (trước đây là xã C) do vợ chồng cụ L1 khai hoang, làm nhà năm 1964, rồi đón cha mẹ đang ở xã C sang xã C ở cùng; vợ chồng cụ L1 hàng năm đóng thuế cho Nhà nước và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 nên cho rằng nhà đất này không phải di sản của cố Khương, cố Khả tạo lập, chết để lại nên không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét, trình bày của cụ Huỳnh Viêt L1 cho rằng nhà đất tranh chấp tại phường T (trước đây là xã C) do vợ chồng cụ L1 khai hoang, làm nhà ở từ năm 1964 và đón cụ K, cụ K2 đang ở xã C sang xã C ở cùng vợ chồng cụ L1 là không có cơ sở vì: [5.1] Mâu thuẫn với chính trình bày của cụ L1 tại **Biên bản cuộc họp hòa giải tranh chấp QSD đất** do UBND thành phố H tiến hành ngày 01/7/2011 (bút lục 8-11) cụ L1 thừa nhận: “*Nguyên đất đai là của cha mẹ Tôi, nhà cửa xuống cấp, Tôi đem cha mẹ Tôi ở C...*” (cụ L1, cụ Dương Thị A và ông Huỳnh Viêt B tham gia cuộc họp, đã ký Biên bản và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/8/2023 ông B thừa nhận cha mẹ và ông B có tham gia cuộc họp, đã ký Biên bản); [5.2] Mâu thuẫn với B3 **khai nhân khẩu** do chính cụ Huỳnh Viêt L1 khai tại xã C ngày 07/01/1976: “*từ năm 1960 đến năm 1963 Tôi đi quân dịch tại Tiểu đoàn B pháo binh, quận D, B; ngày 14/4/1963 giải ngũ về ở tại Đà Nẵng; ngày 16/3/1967, tái ngũ đi quân dịch tại căn cứ Hải quân Đ2; đến ngày 01/4/1975 về trình diện tại C, H*” (bút lục 16, 17).

[6] Tại **Đơn xin đăng ký nhà ở và đất ở** ngày 26/10/2000 (bút lục 232) cụ Huỳnh Viêt L1 khai “*Nguồn gốc sử dụng đất: Tạo lập từ năm 1964*”, *nguồn gốc nhà ở: “Tự xây dựng năm 1964”*. Xét, nếu năm 1964 cụ L1 “xây dựng nhà” trên đất mà theo cụ L1 là đất cụ L1 khai hoang, làm nhà rồi đưa cha mẹ sang ở cùng thì cụ L1 phải khai hoang đất này một thời gian dài trước đó; trong khi tính đến năm 1964 thì cụ L1 25 tuổi, còn cụ A 18 tuổi (cụ Lâm sinh năm 1939, cụ Dương Thị A sinh năm 1946) nên trình bày của cụ L1 không phù hợp với thực tế và mâu thuẫn với B3 **khai nhân khẩu** do cụ L1 khai ngày 07/01/1976 nêu trên. Tại **Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú** do Công an thị xã H lập đối với xã C, thị xã H vào tháng 4 năm 1976 (bút lục 53) ghi Chủ hộ: Huỳnh Khương, các thành viên trong hộ gồm Huỳnh K, Phan Thị K1 và Huỳnh Viêt L1 “*nguyên quán Cẩm P, H*”; Dương Thị A, Huỳnh Thị B4, Huỳnh Thị X, Huỳnh Viêt B ghi từ “*Cẩm An chuyển đến năm 1963*”; như vậy, theo nội dung Giấy này thì cụ A và 3 con từ C sang C năm 1963, còn cô Huỳnh K, cô Phan Thị K1 và cụ Huỳnh Viêt L1 phải đến C trước năm 1963 và cụ Huỳnh K luôn là Chủ hộ. Hơn nữa, tại **Giấy cam kết** viết ngày 17/6/2010, cụ L1, cụ A cam kết: “*Đồng ý để lại một phần lô đất (diện tích 202m²) tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 do UBND tỉnh Q cấp ngày 27/10/2003 và phần nhà cấp IV cho tộc H3 (làm thờ cúng ông bà, có kèm theo Biên bản họp gia đình ngày 06 tháng chạp năm Kỷ Sửu - AL); Giao phần diện tích đất còn lại cho ông Huỳnh Viêt B sử dụng (theo Biên bản họp gia đình ngày 06 tháng chạp năm Kỷ Sửu - AL)...*” (bút lục 77).

[7] Với các tài liệu, chứng cứ trích dẫn và phân tích tại các mục trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét đủ căn cứ xác định 629,2m² đất gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn tại thửa số 265, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H mà UBND tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành BB 395430 ngày 27/10/2003 cho cụ Huỳnh Viêt L1 và cụ Dương Thị A có nguồn gốc khởi nguồn do vợ chồng cô Huỳnh K, cô Phan Thị K1 khai hoang trước năm 1963 tại địa phận xã C, xây dựng nhà rồi đưa gia đình cụ Huỳnh Viêt L1 đang sống tại xã C sang xã C ở cùng; vợ chồng cụ L1 sau đó có đóng góp công sức khai hoang thêm đất và tôn tạo đất và Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cô Khương, cô Khả khi còn thời hiệu khởi kiện; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tài sản tranh chấp do vợ chồng cụ L1, cụ A tự khai phá đất, xây dựng nhà ở, rồi mới đón cha mẹ sang ở cùng không phải di sản thừa kế của cụ K, cụ K1, từ đó không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khách quan của vụ án. Vì các lẽ trên, cấp phúc thẩm xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam (phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thống nhất với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam) và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn cho rằng cần xác định di sản thừa kế do vợ chồng cô K, cô Khả tạo lập, chết để lại là ½ diện tích 629,2m² đất gồm 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn tại thửa đất số 265, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H mà UBND tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và

quyền sử dụng đất ở số phát hành BB 395430 ngày 27/10/2003 cho cụ Huỳnh Viết L1 và cụ Dương Thị A là có căn cứ nên chấp nhận để hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế di sản của vợ chồng cố K, cố Khả theo pháp luật. Đương sự kháng cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu*”, giữa nguyên đơn cụ Huỳnh Viết C (chết ngày 17/5/2022) với bị đơn cụ Huỳnh Viết L1 và cụ Dương Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan....

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân